



# CẬP NHẬT PHÁP LÝ

---

## THÁNG 9/2024

### CONTACT US

 [www.likonlaw.com](http://www.likonlaw.com)

 [inquiries@likonlaw.com](mailto:inquiries@likonlaw.com)

 1st Floor, May Plaza Building, 63D Vo Van Tan,  
Vo Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh City

**LIKON LAW – VIETNAM INTERNATIONAL PRACTICE**

*“Legal Professional Knowledge with a Committed  
Personal Touch”*

## PHẦN 1: CẬP NHẬT PHÁP LÝ THÁNG 9 NĂM 2024

- 1. NGHỊ ĐỊNH 83/2024/NĐ-CP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 123/2016/NĐ-CP NGÀY 01 THÁNG 9 NĂM 2016 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ ĐÃ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 101/2020/NĐ-CP NGÀY 28 THÁNG 8 NĂM 2020 CỦA CHÍNH PHỦ; NGHỊ ĐỊNH SỐ 10/2016/NĐ-CP NGÀY 01 THÁNG 02 NĂM 2016 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ ĐÃ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 47/2019/NĐ-CP NGÀY 05 THÁNG 6 NĂM 2019 CỦA CHÍNH PHỦ VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 120/2020/NĐ-CP NGÀY 07 THÁNG 10 NĂM 2020 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ THÀNH LẬP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**

Ngày 10/07/2024, theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Chính phủ ban hành Nghị định 83/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ; Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ quy định về cơ quan thuộc Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 47/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Nghị định 83/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01/09/2024, với nội dung quy định về số lượng cấp phó của các cơ quan và đơn vị, cụ thể:

### **1.1. Số lượng cấp phó của người đứng đầu chi cục thuộc cục thuộc Bộ**

Theo quy định tại Nghị định số 123/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 101/2020/NĐ-CP, số lượng cấp phó của người đứng đầu chi cục thuộc cục thuộc bộ được bố trí không quá 02 cấp phó. Số lượng cấp phó được quyết định dựa trên số phòng của chi cục.

Nghị định 83/2024/NĐ-CP bổ sung quy định với nội dung văn tắt như sau:

- Số lượng cấp phó sẽ được quyết định bởi Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ hoặc người được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ phân cấp;

- Bảo đảm bình quân không quá 03 người trên một chi cục khi chi cục đáp ứng một trong các tiêu chí:

- Thực hiện nhiệm vụ giải quyết thủ tục hành chính 24/24 giờ trong ngày theo quy định của pháp luật, phải bố trí công chức (trong đó có lãnh đạo chi cục) làm việc 3 ca/ngày và được giao từ 60 biên chế công chức trở lên;
- Được giao quản lý theo khu vực liên tỉnh, liên huyện và có từ 09 phòng hoặc tổ chức tương đương trở lên thuộc cơ cấu tổ chức của chi cục theo quy định của pháp luật.

### ***1.2. Số lượng cấp phó của người đứng đầu vụ, cục (trừ các cục đặt tại địa phương), thanh tra, văn phòng thuộc tổng cục thuộc bộ***

Nghị định 83/2024/NĐ-CP sửa đổi quy định về số lượng cấp phó của người đứng đầu vụ, cục (trừ các cục đặt tại địa phương), thanh tra, văn phòng thuộc tổng cục thuộc bộ được bố trí:

- Không quá 02 cấp phó nếu vụ thuộc tổng cục có từ 15 đến 20 biên chế công chức, cục (trừ cục đặt tại địa phương), thanh tra, văn phòng thuộc tổng cục có dưới 04 tổ chức;
- Bình quân không quá 03 người trên một đơn vị nếu vụ thuộc tổng cục có trên 20 biên chế công chức; cục (trừ các cục đặt: tại địa phương), thanh tra, văn phòng thuộc tổng cục có từ 04 tổ chức trở lên. Số lượng cấp phó của từng đơn vị được quyết định bởi Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

### ***1.3. Số lượng cấp phó của các tổ chức, đơn vị trong cơ quan thuộc Chính phủ***

Dựa trên cơ cấu tổ chức của cơ quan thuộc Chính phủ tại Nghị định 10/2016/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 47/2019/NĐ-CP, Nghị định 83/2024/NĐ-CP quy định về số lượng cấp phó của các tổ chức, đơn vị trong cơ quan thuộc chính phủ được bố trí:

- Không quá 02 cấp phó đối với Ban và Văn phòng có từ 15 đến 20 người làm việc là công chức, viên chức;
- Bình quân không quá 03 người trên một đơn vị nếu Ban và Văn phòng có trên 20 người làm việc là công chức, viên chức. Số lượng cấp phó của từng đơn vị được quyết định bởi Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ.

### ***1.4. Số lượng cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập***

Nghị định số 83/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung quy định của Nghị định 120/2020/NĐ-CP về khung số lượng cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, số lượng cấp phó được bố trí:

- Bình quân không quá 03 người trên một đơn vị đối với các đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Không quá 02 cấp phó đối với đơn vị quy định tại điểm a khoản 1 (trừ các đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ), khoản 2 và điểm a khoản 4 Điều 2 Nghị định 120/2020/NĐ-CP có từ 20 người làm việc là viên chức trở xuống; Không quá 03 cấp phó đối với đơn vị nêu trên nhưng có trên 20 người làm việc là viên chức;
- Không quá 02 cấp phó đối với đơn vị quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1, khoản 3, điểm b, c, d khoản 4 và khoản 5 Điều 2 Nghị định 120/2020/NĐ-CP;
- Không quá 03 cấp phó đối với bệnh viện hạng I trở lên; đơn vị sự nghiệp y tế làm nhiệm vụ kiểm soát và phòng chống bệnh tật tuyến tỉnh hạng I trở lên; trường phổ thông có nhiều cấp học có quy mô từ 40 lớp trở lên.

## **2. NGHỊ ĐỊNH 89/2024/NĐ-CP VỀ CHUYỂN ĐỔI CÔNG TY NHÀ NƯỚC ĐƯỢC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG THEO LUẬT DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC THÀNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG THEO QUY ĐỊNH TẠI LUẬT DOANH NGHIỆP**

Từ ngày 01/09/2024, quá trình chuyển đổi công ty Nhà nước thành công ty TNHH một thành viên được thực hiện theo Nghị định 89/2024/NĐ-CP. Nghị định này được Chính phủ ban hành ngày 16/07/2024 theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

### **2.1. Đối tượng áp dụng**

Nghị định 89/2024/NĐ-CP quy định đối tượng áp dụng bao gồm:

- Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp nhà nước chưa chuyển đổi thành công ty TNHH một thành viên gồm:
  - Doanh nghiệp do Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thành lập hoặc được giao quản lý (“**công ty Nhà nước**”);
  - Doanh nghiệp do công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ quyết định thành lập hoặc được giao quản lý (“**công ty con chưa chuyển đổi**”)



- Tổ chức, cá nhân được giao thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu tại công ty Nhà nước và công ty con chưa chuyển đổi, bao gồm:
- Cơ quan đại diện chủ sở hữu quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp;
- Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có công ty con chưa chuyển đổi ("**công ty mẹ**").

## **2.2. Các nguyên tắc thực hiện chuyển đổi thành công ty TNHH một thành viên**

### *a) Nguyên tắc kế thừa quyền, nghĩa vụ:*

- Công ty TNHH một thành viên kế thừa toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp của công ty Nhà nước và công ty con chưa chuyển đổi; được sử dụng toàn bộ tài sản, lao động, diện tích đất do công ty được chuyển đổi đang quản lý để tổ chức sản xuất kinh doanh theo quy định pháp luật;

- Công ty TNHH chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ của công ty Nhà nước và công ty con chưa chuyển đổi: các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động, nghĩa vụ trong quản lý, sử dụng đất đai theo quy định pháp luật về đất đai, các nghĩa vụ và trách nhiệm khác;...

### *b) Nguyên tắc kê khai và thực hiện đăng ký doanh nghiệp:*

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ kê khai hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo đúng các thông tin đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại Quyết định chuyển đổi công ty Nhà nước, công ty con chưa chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

- Doanh nghiệp không bắt buộc phải đóng dấu trong giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;...

### *c) Nguyên tắc áp dụng giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp:*

- Cơ quan đăng ký kinh doanh chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, không chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật của doanh nghiệp xảy ra trước và sau khi đăng ký doanh nghiệp;

- Cơ quan đăng ký kinh doanh không giải quyết các tranh chấp nội bộ trong doanh nghiệp, giữa thành viên của doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp với tổ chức, cá nhân khác.

## **2.3. Chuyển đổi công ty Nhà nước thành công ty TNHH 1 thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ**

Công ty Nhà nước được chuyển đổi thành công ty TNHH 1 thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu không phụ thuộc việc công ty do cơ quan trên thành lập hay được giao quản lý.

Về trình tự, thủ tục chuyển đổi:

1. Công ty Nhà nước xây dựng Đề án chuyển đổi theo các nội dung quy định; Điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trình cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, phê duyệt.
2. Trên cơ sở đề xuất, cơ quan đại diện chủ sở hữu ban hành Quyết định chuyển đổi.
3. Sau khi cơ quan đại diện chủ sở hữu ban hành Quyết định chuyển đổi, công ty nhà nước gửi hồ sơ đăng ký chuyển đổi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi công ty đặt trụ sở chính ("**Cơ quan ĐKKD**").
4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Cơ quan ĐKKD có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp, cập nhật thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Cơ quan ĐKKD thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho công ty nhà nước. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì phải thông báo và nêu rõ lý do trong văn bản thông báo gửi cho công ty Nhà nước.

#### **2.4. Chuyển đổi công ty con chưa chuyển đổi thành công ty TNHH 1 thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ**

Công ty con chưa chuyển đổi được chuyển đổi thành công ty TNHH 1 thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quyết định của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty của công ty mẹ.

Công ty con chưa chuyển đổi là tổ chức tín dụng cần nhận được sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trước khi Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty của công ty mẹ quyết định.

Về trình tự, thủ tục chuyển đổi:

1. Công ty con chưa chuyển đổi xây dựng Đề án chuyển đổi theo các nội dung được quy định; Điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trình Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty của công ty mẹ xem xét, phê duyệt.
2. Trên cơ sở đề xuất của công ty con chưa chuyển đổi, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty của công ty mẹ ban hành Quyết định chuyển đổi (theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này).
3. Sau khi Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty của công ty mẹ ban hành Quyết định chuyển đổi, công ty con chưa chuyển đổi gửi hồ sơ đăng ký chuyển

đổi theo quy định đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi công ty đặt trụ sở chính.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Cơ quan ĐKKD có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp, cập nhật thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Cơ quan ĐKKD thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho công ty con chưa chuyển đổi. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì phải thông báo và nêu rõ lý do trong văn bản thông báo gửi cho công ty Nhà nước.

### **3. NGHỊ ĐỊNH 106/2024/NĐ-CP QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NÂNG CAO HIỆU QUẢ CHĂN NUÔI**

Ngày 01/8/2024, theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chính phủ ban hành Nghị định 106/2024/NĐ-CP quy định về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi chính thức có hiệu lực vào ngày 20/9/2024.

#### **3.1. Một số chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi được quy định tại Nghị định 106/2024/NĐ-CP**

- Chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi: Sản xuất thức ăn chăn nuôi từ nguyên liệu sản xuất trong nước, phát triển thị trường sản phẩm chăn nuôi, hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi;
- Chính sách hỗ trợ, khuyến khích nâng cao hiệu quả chăn nuôi: hỗ trợ phối giống nhân tạo đối với trâu, bò, lợn, hỗ trợ mua đực giống trâu, bò, dê, cừu, lợn, hươu sao, hỗ trợ mua gà, vịt, ngan giống cấp bố mẹ và chính sách khuyến khích xử lý chất thải chăn nuôi.

Đối tượng được áp dụng các chính sách nêu trên là tổ chức, cá nhân, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, doanh nghiệp có hoạt động trong chăn nuôi được quy định theo Nghị định này (sau đây được gọi là tổ chức, cá nhân).

#### **3.2. Chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi**

Đối với Chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi, Nghị định 106/2024/NĐ-CP quy định 3 chính sách, chi tiết:

##### **3.2.1. Hỗ trợ sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nguyên liệu trong nước để sản xuất thức ăn chăn nuôi**

Nhìn chung, mức hỗ trợ đầu tư được quy định không quá 50% tổng chi phí thực hiện dự án và mức hỗ trợ từ 100 triệu đồng - 5 tỷ đồng/ dự án. Mức hỗ trợ tối đa phụ thuộc vào từng nội dung dự án.

Điều kiện được hỗ trợ:

a) Địa điểm sản xuất phù hợp với quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đối với nội dung hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định.

b) Đáp ứng điều kiện về cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi theo quy định tại Điều 38 Luật Chăn nuôi, các văn bản hướng dẫn Luật Chăn nuôi và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đối với nội dung hỗ trợ được quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều 5 Nghị định.

c) Đáp ứng điều kiện cơ sở chăn nuôi theo quy định tại Điều 55 Luật Chăn nuôi, các văn bản hướng dẫn Luật Chăn nuôi và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đối với nội dung hỗ trợ được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 5 Nghị định.

d) Dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư và nghiệm thu kết quả đối với nội dung hỗ trợ quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 5 Nghị định.

đ) Có hóa đơn, chứng từ liên quan đến các khoản mục chi phí thực hiện.

*3.2.2. Hỗ trợ phát triển thị trường sản phẩm chăn nuôi*

Nhìn chung, mức hỗ trợ đầu tư từ 100 triệu đồng - 3 tỷ đồng/dự án và Mức hỗ trợ tối đa phụ thuộc vào từng nội dung dự án.

Điều kiện được hỗ trợ:

a) Phát triển thị trường sản phẩm chăn nuôi phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Xây dựng và phát triển thị trường đối với các sản phẩm chăn nuôi có chuỗi liên kết giá trị từ chăn nuôi - giết mổ - chế biến hoặc chăn nuôi - giết mổ - chế biến - tiêu thụ.

c) Dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư và nghiệm thu kết quả đối với nội dung hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định.

d) Có hóa đơn, chứng từ liên quan đến các khoản mục chi phí thực hiện.

*3.2.3. Chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi*

Đối với hỗ trợ bố trí quỹ đất để xây dựng cơ sở chăn nuôi cho đối tượng di dời, mức hỗ trợ căn cứ theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Đối với hỗ trợ chuyển từ chăn nuôi sang ngành nghề khác, mức hỗ trợ tối đa không quá 3 tháng lương cơ bản/người. Đối với các nội dung khác, mức hỗ trợ đầu tư từ 500 triệu đồng - 10 tỷ đồng/ dự án và mức hỗ trợ tối đa phụ thuộc vào từng nội dung dự án.

Điều kiện được hỗ trợ:



a) Cơ sở chăn nuôi được xây dựng và hoạt động trước ngày Luật Chăn nuôi có hiệu lực thi hành và đang hoạt động trong khu vực không được phép chăn nuôi thuộc diện phải di dời theo quy định hiện hành.

b) Người được đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác phải có chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo do cơ sở đào tạo cấp và cam kết thực hiện nghề đã được đào tạo chuyển đổi ít nhất 05 năm sau khi được nhận hỗ trợ.

c) Việc hỗ trợ đối với nội dung hỗ trợ quy định tại điểm b, c và d khoản 2 Điều 7 Nghị định được thực hiện sau khi cơ sở chăn nuôi đã hoàn thành việc di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi hoặc ngừng hoạt động, chuyển đổi ngành nghề có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

### **3.3. Chính sách hỗ trợ, khuyến khích nâng cao hiệu quả chăn nuôi**

Đối với Chính sách hỗ trợ, khuyến khích nâng cao hiệu quả chăn nuôi, Nghị định 106/2024/NĐ-CP quy định 3 chính sách, chi tiết:

#### **3.3.1. Hỗ trợ phối giống nhân tạo đối với trâu, bò, lợn**

##### Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ 100% chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; tối đa 03 liều tinh/lần có chữa đối với trâu, bò sữa và 02 liều tinh/lần có chữa đối với bò thịt.

b) Hỗ trợ 100% chi phí về liều tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái; mức hỗ trợ tối đa 02 liều tinh/lần phối giống và tối đa 06 liều tinh/nái/năm.

c) Hỗ trợ chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) theo chi phí thực tế tối đa 02 tháng lương cơ bản/người/khóa.

d) Hỗ trợ một lần không quá 30% chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); mức hỗ trợ tối đa không quá 05 triệu đồng/bình/người.

đ) Hỗ trợ công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò), mức hỗ trợ tối đa không quá 300.000 đồng/con phối giống có chữa.

##### Điều kiện được hỗ trợ:

Đáp ứng quy định tại Điều 56, Điều 57 Luật Chăn nuôi và đã thực hiện nghiệm thu kết quả phối giống nhân tạo gia súc.

#### **3.3.2. Hỗ trợ mua đực giống trâu, bò, dê, cừu, lợn, hươu sao, hỗ trợ mua gà, vịt, ngan giống cấp bố mẹ**

##### Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ một lần không quá 30% giá trị mua một trong các đực giống trâu, bò, dê, cừu, lợn, hươu sao để phối giống, mức hỗ trợ tối đa như sau: 15 triệu đồng/đực giống đối với trâu, bò từ 12 tháng tuổi trở lên; 03 triệu đồng/đực giống đối với dê, cừu từ 06 tháng tuổi trở lên; 10 triệu đồng/đực giống đối với lợn từ 06 tháng tuổi trở lên và đã kết thúc kiểm tra năng suất cá thể; 10 triệu đồng/đực giống đối với hươu sao từ 06 tháng tuổi trở lên; không quá 02 con đực giống/hộ.

b) Hỗ trợ một lần không quá 30% giá trị mua một trong các loại gà, vịt, ngan giống cấp bố mẹ 01 ngày tuổi để nuôi sinh sản; mức hỗ trợ tối đa không quá 15.000 đồng/con; mỗi hộ chăn nuôi được hỗ trợ tối đa không quá 500 con gà hoặc 500 con vịt hoặc 500 con ngan giống cấp bố mẹ 01 ngày tuổi.

Điều kiện được hỗ trợ:

- a) Đáp ứng quy định tại Điều 56, khoản 2 Điều 57 Luật Chăn nuôi.
- b) Mua con giống có nguồn gốc rõ ràng, bảo đảm chất lượng theo quy định của Luật Chăn nuôi, Luật Thú y và các văn bản hướng dẫn Luật Chăn nuôi, Luật Thú y.
- c) Mỗi hộ chăn nuôi chỉ được hỗ trợ một lần đối với quy định tại điểm a khoản 2 hoặc điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị định.
- d) Gà, vịt, ngan giống cấp bố mẹ được nghiệm thu sau 38 tuần tuổi.

*3.3.3. Chính sách khuyến khích xử lý chất thải chăn nuôi*

Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ không quá 50% giá trị sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi nhằm khuyến khích áp dụng để xử lý chất thải chăn nuôi.

Mức hỗ trợ tối đa như sau: 05 triệu đồng/cơ sở (chăn nuôi nông hộ); 50 triệu đồng/cơ sở (chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ và vừa); 100 triệu đồng/cơ sở (chăn nuôi trang trại quy mô lớn).

- Hỗ trợ không quá 50% giá trị công trình khí sinh học nhằm khuyến khích xử lý chất thải chăn nuôi.

Mức hỗ trợ tối đa như sau: 07 triệu đồng/công trình (chăn nuôi nông hộ); 300 triệu đồng/công trình (chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ và vừa); 01 tỷ đồng/công trình (chăn nuôi trang trại quy mô lớn).

- Hỗ trợ không quá 30% chi phí mua vật tư, thiết bị, chi phí xét nghiệm để khuyến khích thực hiện chăn nuôi theo tiêu chí an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh.

Mức hỗ trợ tối đa như sau: 20 triệu đồng/cơ sở (chăn nuôi nông hộ); 50 triệu đồng/cơ sở (chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ); 70 triệu đồng/cơ sở (chăn nuôi trang trại quy mô vừa); 200 triệu đồng/cơ sở (chăn nuôi trang trại quy mô lớn).

Điều kiện được hỗ trợ:

- a) Đáp ứng quy định tại Điều 55, Điều 56, khoản 2 Điều 57 Luật Chăn nuôi.
- b) Có chăn nuôi gia súc, gia cầm và xây dựng mới công trình khí sinh học đáp ứng đúng hướng dẫn kỹ thuật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về xử lý chất thải chăn nuôi hoặc sử dụng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi đã được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc xây dựng mới công trình khí sinh học, sử dụng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi đã được công nhận tiến bộ kỹ thuật ngành nông nghiệp lĩnh vực chăn nuôi đối với nội dung hỗ trợ quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 10 Nghị định.

#### **4. THÔNG TƯ 06/2024/TT-BLĐTBXH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 26/2016/TT-BLĐTBXH NGÀY 01 THÁNG 9 NĂM 2016 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

Ngày 30/7/2024, theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quan hệ lao động và Tiền lương, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư 06/2024/TT-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH về quản lý tiền lương của người lao động công ty nhà nước và Thông tư 27/2016/TT-BLĐTBXH về chế độ tiền lương thù lao tiền thưởng người quản lý công ty nhà nước. Thông tư chính thức có hiệu lực từ ngày 15/9/2024.

##### ***4.1. Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH về quản lý tiền lương của người lao động doanh nghiệp nhà nước***

Đối với thang lương, bảng lương, phụ cấp lương với NLĐ trong doanh nghiệp nhà nước được quy định như sau:

- Căn cứ vào tổ chức sản xuất, tổ chức lao động, công ty rà soát và quyết định việc tiếp tục duy trì hoặc sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng, ban hành mới thang lương, bảng lương, phụ cấp lương (kèm theo tiêu chuẩn áp dụng), bảo đảm quy định tại khoản 2 Điều 9a Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH (được sửa đổi bởi Thông tư 06/2024/TT-BLĐTBXH) làm cơ sở để xếp lương, trả lương và thực hiện các chế độ đối với người lao động theo quy định của pháp luật lao động.

- Các mức lương trong thang lương, bảng lương, phụ cấp lương do công ty quyết định, bảo đảm quỹ tiền lương xác định trên cơ sở tổng tiền lương trong năm của tất cả người lao động tính theo các mức lương trong thang lương, bảng lương, phụ cấp lương của công ty

không được vượt quá quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động theo quy định tại Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH (được sửa đổi bởi Thông tư 06/2024/TT-BLĐTBXH).

- Khi sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng, ban hành mới thang lương, bảng lương, phụ cấp lương, công ty phải tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở, tổ chức đối thoại tại nơi làm việc theo quy định của Bộ luật Lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành, báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu cho ý kiến và công khai tại công ty trước khi thực hiện.

#### **4.2. Sửa đổi, bổ sung Thông tư 27/2016/TT-BLĐTBXH về chế độ tiền lương thù lao tiền thưởng người quản lý doanh nghiệp nhà nước**

Liên quan đến từ ngữ dùng trong Thông tư, Thay thế cụm từ “người quản lý” tại tên gọi, các cụm từ “người quản lý” hoặc “người quản lý công ty” bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên”.

Đối với Xây dựng bảng lương

- Căn cứ vào tổ chức bộ máy quản lý của công ty, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty xây dựng, ban hành bảng lương (kèm theo tiêu chuẩn áp dụng), bảo đảm quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư 27/2016/TT-BLĐTBXH làm căn cứ để thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ khác đối với người quản lý, Kiểm soát viên chuyên trách theo quy định của pháp luật lao động.

- Các mức lương trong bảng lương của người quản lý, Kiểm soát viên chuyên trách do Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định, bảo đảm quỹ tiền lương xác định trên cơ sở tổng tiền lương trong năm của tất cả người quản lý, Kiểm soát viên chuyên trách tính theo các mức lương trong bảng lương không được vượt quá quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý, Kiểm soát viên chuyên trách theo quy định tại Thông tư 27/2016/TT-BLĐTBXH.

- Khi xây dựng hoặc sửa đổi, bổ sung bảng lương của người quản lý, Kiểm soát viên, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty phải tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở, đối thoại tại nơi làm việc theo quy định của Bộ luật Lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành, báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận và công bố công khai tại công ty trước khi thực hiện.

Đối với Xếp lương, nâng bậc lương: Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty xếp lương, nâng bậc lương (nếu có) đối với người quản lý, Kiểm soát viên chuyên trách theo bảng lương xây dựng theo quy định tại Điều 4 Thông tư 27/2016/TT-BLĐTBXH.

Đối với Mức tiền lương cơ bản khi hạng công ty hoặc chức vụ thay đổi: Khi hạng công ty thay đổi hoặc người quản lý, Kiểm soát viên chuyên trách thay đổi chức vụ, chức danh thì

mức tiền lương cơ bản của người quản lý, Kiểm soát viên được tính theo hạng công ty hoặc chức vụ, chức danh mới, không bảo lưu mức tiền lương cơ bản theo hạng hoặc chức vụ, chức danh cũ.



## PHẦN 2: DANH SÁCH VĂN BẢN PHÁP LÝ CÓ HIỆU LỰC THÁNG 9/2024

STT	SỐ HIỆU VĂN BẢN	NGÀY BAN HÀNH	NGÀY CÓ HIỆU LỰC	LOẠI VĂN BẢN	CƠ QUAN BAN HÀNH	TÊN VĂN BẢN
1	83/2024/NĐ-CP	10/07/2024	01/09/2024	Nghị định	Chính phủ	Nghị định 83/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ; Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ quy định về cơ quan thuộc Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 47/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.
2	89/2024/NĐ-CP	16/07/2024	01/09/2024	Nghị định	Chính phủ	Nghị định 89/2024/NĐ-CP về chuyển đổi công ty nhà nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tổ chức và hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.
3	93/2024/NĐ-CP	18/07/2024	01/09/2024	Nghị định	Chính phủ	Nghị định 93/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2013/NĐ-CP ngày 11

						tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về tạm ngừng lưu thông, phong tỏa, niêm phong, tạm giữ và xử lý đối với tiền, tài sản liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố; xác lập danh sách tổ chức, cá nhân liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố.
4	97/2024/NĐ-CP	25/07/2024	10/09/2024	Nghị định	Chính phủ	Nghị định 97/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước.
5	106/2024/NĐ-CP	01/08/2024	20/09/2024	Nghị định	Chính phủ	Nghị định 106/2024/NĐ-CP quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi.
6	50/2024/TT-BTC	17-07-2024	01-09-2024	Thông tư	Bộ Tài chính	Thông tư 50/2024/TT-BTC Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội
7	05/2024/TT-BKHCN	09/07/2024	01/09/2024	Thông tư	Bộ Khoa học và Công nghệ	Thông tư 05/2024/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 17/2015/TT-BKHCN ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thiết địa phương sử dụng ngân sách nhà nước cấp quốc gia.
8	48/2024/TT-BTC	16/07/2024	05/09/2024	Thông tư	Bộ Tài Chính	Thông tư 48/2024/TT-BTC bãi bỏ một phần Thông tư liên tịch số 46/2016/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 11 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn chế độ quản lý đặc thù đối với Đội Tuyên truyền lưu động cấp tỉnh và cấp huyện.

9	51/2024/TT-BTC	18/07/2024	08/09/2024	Thông tư	Bộ Tài Chính	Thông tư 51/2024/TT-BTC bãi bỏ Thông tư liên tịch số 22/2011/TTLT-BTC-BKHCN ngày 21 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý tài chính đối với các dự án sản xuất thử nghiệm được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí.
10	54/2024/TT-BTC	24/07/2024	09/09/2024	Thông tư	Bộ Tài chính	Thông tư 54/2024/TT-BTC bãi bỏ các thông tư của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.
11	06/2024/TT-BLĐTBXH	30/07/2024	15/09/2024	Thông tư	Bộ Lao động và Thương binh xã hội	Thông tư 06/2024/TT-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.
12	07/2024/TT-BLĐTBXH	31/07/2024	15/09/2024	Thông tư	Bộ Lao động và Thương binh xã hội	Thông tư 07/2024/TT-BLĐTBXH hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý; mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với người đứng đầu đơn vị sự

						<p>nghiệp công lập và cơ quan quản lý cấp trên; tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.</p>
13	05/2024/TT-BVHTTDL	17/07/2024	15/09/2024	Thông tư	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	<p>Thông tư 05/2024/TT-BVHTTDL ban hành Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng và định mức chi phí dịch vụ.</p>
14	10/2024/TT-BNNPTNT	29/07/2024	16/09/2024	Thông tư	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	<p>Thông tư 10/2024/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn quản lý các nhiệm vụ bảo vệ môi trường thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>
15	8/2024/TT-BLĐTBXH	31/7/2024	15/9/2024	Thông tư	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	<p>Thông tư quy định tiêu chí cụ thể phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.</p>
16	29/2024/TT-BGTVT	01/8/2024	20/9/2024.	Thông tư	Bộ Giao thông vận tải	<p>Thông tư quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, trang phục, thẻ thanh tra chuyên ngành của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành Giao thông vận tải; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thực hiện chức năng thanh tra ngành Giao thông vận tải.</p>
17	43/2024/TT-NHNN	09/8/2024	23/9/2024	Thông tư	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	<p>Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2014/TT-NHNN ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn việc tổ chức thực hiện hoạt động quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước</p>
18	10/2024/QĐ-TTg	15/07/2024	02/09/2024	Quyết định	Thủ tướng	<p>Quyết định 10/2024/QĐ-TTg về tín dụng thực hiện cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.</p>

<b>19</b>	1104/NQ-UBTVQH15	23/07/2024	01/09/2024	Nghị quyết	Ủy ban Thường vụ Quốc hội	Nghị quyết 1104/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Nam Định.
<b>20</b>	1105/NQ-UBTVQH15	23/07/2024	01/09/2024	Nghị quyết	Ủy ban Thường vụ Quốc hội	Nghị quyết 1105/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Sóc Trăng.
<b>21</b>	1106/NQ-UBTVQH15	23/07/2024	01/09/2024	Nghị quyết	Ủy ban Thường vụ Quốc hội	Nghị quyết 1106/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Tuyên Quang.